

Số: 121/KH-UBND

Bình Hòa, ngày 20 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Duy trì và nâng chất các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Bình Hòa năm 2024

Căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp xác định, đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành về việc thực hiện xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Châu Thành năm 2024;

Ủy ban Nhân dân xã xây dựng kế hoạch duy trì và nâng chất các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao năm 2024 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU:

1. Mục tiêu:

Duy trì, nâng chất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025 được ban hành tại Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 và Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang.

2. Yêu cầu:

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tích cực hưởng ứng Phong trào thi đua với những việc làm thiết thực và cụ thể, góp phần hoàn thành đảm bảo tiến độ các tiêu chí đã đề ra trong chương trình tổng thể xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch, nhất là thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân và nông

thôn, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Xây dựng kế hoạch thực hiện phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển KTXH của địa phương và nhu cầu thực tế của người dân.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ:

1. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

ST T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
1	2	3	4	5	6	7
I QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 – 2025 (có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		1.2. Ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
II HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%	100%	DTNC
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	%	≥90%	100%	DTNC
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	%	100%	100%	DTNC
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	%	≥50%	100%	DTNC
3	Thủy lợi và PCTT	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	%	≥80%	100%	DTNC
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	%	≥98%	100%	DTNC

5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định.	%	≥50%	80%	DTNC
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	%	100%	100%	DTNC
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.	%	Không còn	Đạt	DTNC
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	%	≥75%	90.36	95
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm).	2021	≥50	70.692	72
			2022	≥53		
			2023	≥56		
			2024	≥59		
			2025	≥62		
11	Nghèo đa	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.	%	<4	2.41	DTNC

	chiều					
12	Lao động có việc làm	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo.	%	≥70%	75.54	76
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.	%	≥25%	31.04	32
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp).	%	≥80%	85.27	DTNC
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia BHYT.	%	≥90%	90.19	95
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	%	≤19%	17.3	DTNC
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.	%	≥50%	73.42	75%
16	Văn hóa	Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.	%	≥80%	100%	DTNC
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	%	≥90%	100	DTNC

	và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	%	≥95%	100%	DTNC
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (≥2 m ² /người).	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	%	≥85%	93.25	95
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.	%	100%	100%	DTNC
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	%	≥70%	99.11	100%
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	%	≥70%	100%	DTNC
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	%	100%	100%	DTNC
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	%	≥30%	93.25	DTNC
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	%	≥50%	100	DTNC
		V	HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	%	100%	100%	DTNC
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC

		bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.				
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển áp.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC

2. Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
1	2	3	4	5	6	7
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	%	100%	100%	DTNC
		2.2. Tỷ lệ đường áp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm; có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	%	100%	100%	DTNC
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	%	100%	100%	DTNC
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được	%	≥70%	100%	DTNC

		cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.				
3	Thủy lợi và PCTT	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	%	≥90%	100%	DTNC
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	%	≥20%	31.49	35
		3.4. Công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hằng năm.	%	100%	100%	DTNC
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	%	≥99%	100%	DTNC
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, có kế hoạch lộ trình đạt 100% và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	%	≥70%	66.67	100
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		6.3. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.	%	100%	100%	DTNC
7	Cơ sở hạ tầng	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC

	thương mại nông thôn					
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	%	≥85%	90.36	95
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người).	2021	≥60	70.692	72
			2022	≥64		
			2023	≥68		
			2024	≥72		
			2025	≥76		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.	%	<2,5	2.41	DTNC
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo.	%	≥75%	75.54	76
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ.	%	≥30%	31.04	32
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế.	%	≥90%	94.99	95
13	Tổ chức	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.	≥1	≥1	1	DTNC

	sản xuất và phát triển KTNT	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.	≥1	≥1	1	DTNC
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.	%	≥10%	10%	DTNC
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	%	≥95%	90.19	95
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe.	%	≥90%	92.01	95
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa.	%	≥40%	0	40%
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử.	%	≥70%	73.42	DTNC
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.	Mô hình	≥1	Đạt	DTNC
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành.	%	≥90%	100%	DTNC
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	%	≥90%	100%	DTNC
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.	Đạt/ Chưa	Đạt	Chưa	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định	%	100%	100%	DTNC

		về bảo vệ môi trường.				
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.	%	≥95%	93.25	95
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.	%	≥35%	Chưa	40%
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	%	≥50%	93.25	DTNC
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.	%	100%	100	DTNC
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.	%	≥80%	Chưa	85%
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	%	≥85%	86.89	100
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng.	%	≥10%	Chưa	10%
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥4m ² /người.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	%	≥70%	100	DTNC
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.	%	≥95%	100	DTNC
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu ≥60 lít/người/ngày đêm.	lít	≥60 lít	Chưa	60L
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	%	≥40%	Chưa	40%
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.	%	100%	100	DTNC
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.	%	100%	100%	DTNC
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm	%	≥80%	99.11	100%

		bảo 3 sạch.				
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường.	%	100%	Chưa	100%
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	Đạt/ Chưa	Đạt	Đạt	DTNC

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỪNG TIÊU CHÍ:

1. NÔNG THÔN MỚI:

- Tiêu chí 1: Tiếp tục thực hiện tốt biện pháp quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch chung. Tăng cường tuyên truyền, vận động tổ chức, nhân dân thực hiện tốt các quy định theo quy hoạch, quản lý mốc giới, kiểm soát xây dựng, phân đấu không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch chung. Đồng thời, thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung quy hoạch phù hợp với thực tế địa phương.

- Tiêu chí 2: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính nội đồng. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ, xóm (đường dân sinh) được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa. Tranh thủ các nguồn kinh phí Nhà nước, dự án hỗ trợ và huy động doanh nghiệp, nhân dân đóng góp để xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.

- Tiêu chí 3: Thường xuyên khảo sát, lập kế hoạch nạo vét các tuyến kênh, mương nội đồng, gia cố đê bao, thủy lợi, cống đập, trạm bơm điện,... phục vụ tốt yêu cầu sản xuất đảm bảo diện tích đất nông nghiệp được tưới - tiêu nước chủ động. Thường xuyên kiên toàn, nâng chất hoạt động Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn; đội cứu nạn, cứu hộ.

- Tiêu chí 4: Phối hợp với điện lực, Xí nghiệp Điện – Nước huyện Châu Thành thường xuyên kiểm tra hệ thống lưới điện, cải tạo các trường hợp không đảm bảo an toàn, phát quang an toàn hành lang lưới điện, thay thế, nâng cấp các đường dây kéo truyền tải điện không an toàn, hướng dẫn hộ dân câu mắc điện an toàn theo quy định.

- Tiêu chí 5: Tiếp tục duy trì, nâng chất danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng thực hiện có hiệu quả tốt công tác nâng cao chất lượng giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh trong xây dựng nhân cách chân, thiện, mỹ. Tăng cường huy động các nguồn lực cho công tác giúp đỡ học sinh nghèo, hiếu học, thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài, đào tạo nhân tài, nâng cao mặt bằng dân trí ở nông thôn.

- Tiêu chí 6: Xây dựng kế hoạch hoạt động và khai thác có hiệu quả Nhà văn hóa và Học tập cộng đồng. Huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư duy tu, bảo

dưỡng cơ sở vật chất điểm sinh hoạt Văn hóa, thể thao của xã; điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao các ấp; tạo mọi điều kiện cho các dịch vụ sân, bãi bóng chuyền, bóng đá duy trì hoạt động; tiếp tục khuyến khích các hộ dân có điều kiện đầu tư thêm nhiều sân, bãi, khu vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân.

- Tiêu chí 7: Tạo điều kiện thuận lợi để các tiểu thương đầu tư sản xuất, kinh doanh vào chợ Bình Hòa. Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền không để hình thành các tụ điểm kinh doanh tự phát, các điểm mua bán cặp hành lang đường Quốc lộ 91 và tỉnh lộ 941 làm ảnh hưởng cảnh quan môi trường và gây mất trật tự an toàn giao thông.

- Tiêu chí 8: Kiến nghị cấp trên đầu tư kinh phí nâng công suất, tải trọng hệ thống dây loa Đài truyền thanh xã hoạt động ổn định nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền của xã. Duy trì tốt hoạt động điểm phục vụ bưu chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển hạ tầng dịch vụ internet, khuyến khích người dân sử dụng thư điện tử, yêu cầu giải quyết hành chính qua hộp thư điện tử.

Rà soát, trang thiết bị hệ thống loa đến các ấp; tăng cường triển khai phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành trên môi trường mạng của xã với tỷ lệ tiếp nhận và phát hành văn bản điện tử. Tiếp tục nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, nhất là phần mềm một cửa điện tử, phần mềm hộ tịch, phần mềm tiếp nhận - giải quyết thủ tục hành chính công.

- Tiêu chí 9: Thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển các mô hình kinh tế, dạy nghề, giới thiệu, giải quyết việc làm để tăng thu nhập cho người dân, kết hợp với việc vận động doanh nghiệp, mạnh thường quân đóng góp và nguồn hỗ trợ của Nhà nước cất nhà ở cho hộ chính sách, hộ nghèo, thay thế nhà ở xuống cấp. Duy trì không còn nhà tạm dột nát và nâng tỷ lệ hộ dân có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng. Vận động người dân không cất nhà trên sông kênh rạch, nhà vi phạm hành lang lộ giới.

- Tiêu chí 10: Phát huy lợi thế và tiềm năng hiện có theo hướng tăng tỷ trọng trong các ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ và du lịch. Tập trung vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng và phát triển nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả. Tạo các điều kiện thuận lợi cho nông dân tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng, kết hợp dạy nghề, giới thiệu giải quyết việc làm tăng thu nhập bình quân đầu người.

- Tiêu chí 11: Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo trợ xã hội.... Thực hiện các dự án về vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ phát triển ngành nghề cho lao động nghèo. Đặc biệt là huy động cả hệ thống chính trị tập trung nâng cao nhận thức của hộ nghèo tự lực làm ăn vươn lên thoát nghèo. Duy trì không để phát sinh hộ nghèo mới.

- Tiêu chí 12: Tiếp tục thực hiện tốt công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT, nhất là các trường hợp không có điều kiện tiếp tục học

THPT (phổ thông, bổ túc); chú trọng khuyến khích, động viên, giúp đỡ, cho vay vốn đối với học sinh, sinh viên nghèo có ý chí tiếp tục học THPT, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học nhằm tạo ra lực lượng có tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao. Thường xuyên ra soát, cập nhật nhu cầu học nghề của lao động nông thôn để có biện pháp mở lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyên giao khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, các ngành nghề, công nghiệp – tiêu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

- Tiêu chí 13: Thống kê các sản phẩm chủ lực được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm. Sản phẩm chủ lực được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt hoặc tiêu chuẩn chất lượng được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận.

- Tiêu chí 14: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân về công tác Giáo dục – Đào tạo, gắn công tác giáo dục phổ cập với việc huy động, duy trì sĩ số học sinh, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp và công tác khuyến học, giúp đỡ học sinh nghèo, ... duy trì chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 2.

- Tiêu chí: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, bảo đảm mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử, từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về sức khỏe người dân tại Trung tâm dữ liệu Y tế Quốc gia.

- Tiêu chí 16: Quan tâm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao từng bước đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người dân; thực hiện tốt các biện pháp nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới, nhất là các chỉ tiêu thuộc trách nhiệm của người dân sẽ thực hiện. Định kỳ, có kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn Ban vận động các ấp, đồng thời tổ chức sơ, tổng kết nhằm biểu dương, khen thưởng và chấn chỉnh đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt và chưa tốt. Duy trì, nâng chất 06/06 ấp của xã được công nhận đạt danh hiệu “Ấp văn hóa”, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98% trở lên.

- Tiêu chí 17: Khuyến khích người dân tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi. CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt. Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt. Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật; chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định. Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động văn hóa, thể thao phải được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho cơ sở có chức năng tái chế và xử lý.

- Tiêu chí 18: Tăng cường việc tuyên truyền nhân dân nâng cao nhận thức và phát huy vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban ấp trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng

nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiêu chí 19: Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân quân và thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ quân sự quốc phòng của địa phương. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản Luật có liên quan đến công tác quốc phòng địa phương. củng cố và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Đảm bảo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác động viên quân đội, công tác giáo dục quốc phòng an ninh. An ninh trật tự luôn được bảo đảm; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; duy trì các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Tăng cường công tác nắm bắt tình hình, kịp thời chủ động không để xảy ra tình huống bất ngờ, giải quyết tốt các vụ tranh chấp mâu thuẫn trong nhân dân, không để kéo dài, khiếu kiện đông người, vượt cấp.

2. NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO:

- Tiêu chí 1: Tổng hợp Báo cáo của UBND xã về việc triển khai rà soát và thực hiện đồ án quy hoạch trong thời gian qua, hồ sơ và Quyết định điều chỉnh quy hoạch của UBND cấp huyện, Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết; Quyết định phê duyệt quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Tiêu chí 2: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ, xóm (đường dân sinh) được cứng hóa, sạch, không lầy lội vào mùa mưa. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục chính nội đồng. Tranh thủ các nguồn kinh phí Nhà nước, dự án hỗ trợ và huy động doanh nghiệp, nhân dân đóng góp để xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh. Huy động nhân dân đóng góp, cùng tham gia xây dựng các con đường, cầu giao thông nông thôn.

- Tiêu chí 3: Duy trì hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, phát huy hiệu quả hoạt động. Công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý có kế hoạch bảo trì hàng năm. Kế hoạch bảo trì thể hiện một số công việc chính như: kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình thủy lợi. Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương.

- Tiêu chí 4: Phối hợp với điện lực, Xí nghiệp Điện – Nước huyện Châu Thành thường xuyên kiểm tra hệ thống lưới điện, cải tạo các trường hợp không đảm bảo an toàn, phát quang an toàn hành lang lưới điện, thay thế, nâng cấp các đường dây kéo truyền tải điện không an toàn, hướng dẫn hộ dân câu mắc điện an toàn theo quy định.

- Tiêu chí 5: Xây dựng và tổ chức mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Tiêu chí 6: Xây dựng kế hoạch hoạt động và khai thác có hiệu quả Nhà văn hóa và Học tập cộng đồng. Huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư duy tu, bảo

dưỡng cơ sở vật chất điểm sinh hoạt Văn hóa, thể thao của xã; điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao các ấp; tạo mọi điều kiện cho các dịch vụ sân, bãi bóng chuyền, bóng đá duy trì hoạt động; tiếp tục khuyến khích các hộ dân có điều kiện đầu tư thêm nhiều sân, bãi, khu vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân.

- Tiêu chí 7: Tạo điều kiện thuận lợi để các tiểu thương đầu tư sản xuất, kinh doanh vào chợ Bình Hòa. Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền không để hình thành các tụ điểm kinh doanh tự phát, các điểm mua bán cặp hành lang đường Quốc lộ 91 và tỉnh lộ 941 làm ảnh hưởng cảnh quan môi trường và gây mất trật tự an toàn giao thông.

- Tiêu chí 8: Duy trì tốt hoạt động điểm phục vụ bưu chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển hạ tầng dịch vụ internet, khuyến khích người dân sử dụng thư điện tử, yêu cầu giải quyết hành chính qua hộp thư điện tử.

- Tiêu chí 9: Duy trì không còn nhà tạm dột nát và nâng tỷ lệ hộ dân có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng. Vận động người dân không cất nhà trên sông kênh rạch, nhà vi phạm hành lang lộ giới. Vận động nguồn xã hội từ thiện từ các tổ chức và cá nhân để hỗ trợ và sửa chữa cho các đối tượng hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

- Tiêu chí 10: Tập trung vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng và phát triển nhiều mô hình làm ăn có hiệu quả. Tạo các điều kiện thuận lợi cho nông dân tiếp cận các nguồn vốn vay tín dụng, kết hợp dạy nghề, giới thiệu giải quyết việc làm tăng thu nhập bình quân đầu người.

- Tiêu chí 11: Thực hiện các dự án về vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ phát triển ngành nghề cho lao động nghèo. Đặc biệt là huy động cả hệ thống chính trị tập trung nâng cao nhận thức của hộ nghèo tự lực làm ăn vươn lên thoát nghèo. Duy trì không để phát sinh hộ nghèo mới.

- Tiêu chí 12: Thường xuyên ra soát, cập nhật nhu cầu học nghề của lao động nông thôn để có biện pháp mở lớp đào tạo nghề, tập huấn chuyển giao khoa học, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, các ngành nghề, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

- Tiêu chí 13: Thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động Hợp tác xã trong thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo hướng liên kết với các doanh nghiệp hoặc trực tiếp ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân và phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Tăng cường cung cấp dịch vụ cho các thành viên và có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp đảm bảo bền vững.

- Tiêu chí 14: Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia BHYT, cộng tác viên các ấp hàng tuần xuống trực tiếp từng hộ gia đình vận động tham gia BHYT. Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân, bảo đảm mỗi người dân có một hồ sơ sức khỏe điện tử, từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về sức khỏe người dân tại Trung tâm dữ liệu Y tế Quốc

gia.

- Tiêu chí 15: Tiếp tục nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, nhất là phần mềm một cửa điện tử, phần mềm hộ tịch, phần mềm tiếp nhận - giải quyết thủ tục hành chính công.

- Tiêu chí 16: Thực hiện mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.

- Tiêu chí 17: UBND xã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan để củng cố hồ sơ minh chứng.

- Tiêu chí 18: Tiếp tục vận động nhân dân đóng góp kinh phí cùng doanh nghiệp và Nhà nước hỗ trợ một phần để kéo đường ống dẫn nước sạch đồng thời khuyến khích hộ dân (ở những nơi không thể kéo được đường ống dẫn nước sạch) có điều kiện tài chính đầu tư sử dụng nước từ hệ thống cấp nước nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình. Vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, bệnh gây dịch, không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm.

- Tiêu chí 19: Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng Dân quân và thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ quân sự quốc phòng của địa phương. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản Luật có liên quan đến công tác quốc phòng địa phương. Củng cố và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Đảm bảo công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, công tác động viên quân đội, công tác giáo dục quốc phòng an ninh. An ninh trật tự luôn được bảo đảm; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; duy trì các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ban quản lý xây dựng Nông thôn mới:

Tham mưu UBND xã củng cố thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý và các ngành, đơn vị phụ trách Bộ tiêu chí; chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên đến tất cả cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân nhằm chuyển biến nhận thức, tạo sự đồng thuận và sức lan tỏa trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp các đơn vị có liên quan theo dõi, báo cáo thường xuyên cho Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới về kết quả triển khai, thực hiện kế hoạch này. Định kỳ tham mưu tổ chức sơ kết 6 tháng, năm.

2. Các cơ quan, đơn vị và cán bộ phụ trách tiêu chí, chỉ tiêu:

Cán bộ, công chức được phân công phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch, giải pháp duy trì, nâng chất các tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội:

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng về xây dựng nông thôn mới cũng như công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí.

Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua như: Phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới; Công trình thanh niên tham gia xây dựng nông thôn mới.

Đổi mới, nâng cao chất lượng về nội dung, phương thức hoạt động; phát huy tốt vai trò giám sát, đánh giá, phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

4. Chế độ báo cáo và cập nhật hồ sơ minh chứng:

Cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức được phân công phụ trách các tiêu chí, chỉ tiêu báo cáo định kỳ hàng tháng (ngày 05 hàng tháng), quý (ngày 05 của tháng cuối quý), năm (ngày 05 tháng 11 hàng năm) thông qua văn phòng UBND xã để theo dõi, tổng hợp báo cáo về Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện.

Thời gian cập nhật hồ sơ minh chứng của các ngành gửi về văn phòng tổng hợp chậm nhất đến cuối tháng 11 hàng năm.

Trên đây là kế hoạch duy trì và nâng cao các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Bình Hòa năm 2024./.

Nơi nhận:

- VPĐP NTM huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT. HĐND - UBND xã;
- Thành viên BQL NTM xã;
- Các ngành, các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Minh